

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST

Ngày 20/5/2020

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Viết Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Ngọc Thanh;

Bà Phạm Thị Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lân – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Triều– Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2020/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 01 năm 2020 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1985;

Nơi ĐKKHKT: Thôn Th, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ ở hiện nay: 169 Trần Công H, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi (có mặt).

- Bị đơn: Anh Lâm Văn Ng, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Xóm 2, thôn Ph, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi (vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/12/2019, bản tự khai ngày 02/01/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và Anh Lâm Văn Ng tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 19/01/2011 tại UBND xã B, huyện S. Sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, tình cảm rạn nứt và đã sống ly thân từ tháng 4/2015 cho đến nay. Năm 2018 chị có gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn để yêu cầu ly hôn nhưng Tòa án bác đơn khởi kiện của chị. Sau

khi Tòa án bác đơn từ ngày 10/8/2018 cho đến nay vợ chồng vẫn không thể đoàn tụ và vẫn sống ly hôn. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ng để giải phóng cho đôi bên.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Lâm Nguyễn Hoài Ng, sinh ngày 13/7/2013, hiện nay đang ở với chị H. Khi ly hôn chị Hương yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra chị H không yêu cầu gì thêm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/3/2020, Anh Lâm Văn Ng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Ng thống nhất và đồng ý về thời gian, địa điểm kết hôn của vợ chồng như lời trình của chị H. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, theo anh Ng là xuất phát từ việc chị H có biểu hiện quan hệ bất chính với người đàn ông khác, từ đó vợ chồng cãi vã nhau, chị H cho rằng anh đánh đập chị và chị đã gửi đơn đến Tòa án để giải quyết ly hôn năm 2018, Tòa án xét xử bác đơn khởi kiện của chị nhưng từ đó đến nay chị vẫn không về sống chung với anh, vợ chồng vẫn không đoàn tụ, vẫn phân ai nấy sống, anh chỉ đến quán nơi chị ở để thăm con rồi đi về. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn vì anh không muốn con cái thiếu tình cảm của cha, mẹ.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Lâm Nguyễn Hoài Ng, sinh ngày 13/7/2013, hiện nay đang ở với chị H. Nếu ly hôn anh đồng ý giao con cho chị H nuôi, còn chị H không nuôi thì giao cho anh nuôi, ai nuôi thì tự nuôi chứ anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Thống nhất như chị H đã trình bày.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn về nội dung vụ án như sau:

I. Việc Tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của nguyên đơn: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của bị đơn: Bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 39, 147, 189, 203, 220, 228, 264, 266, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận cho Chị Nguyễn Thị Kim H được ly hôn Anh Lâm Văn Ng.

Về con chung: Giao cháu Lâm Nguyễn Hoài Ng, sinh ngày 13/7/2013 cho chị H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Hai bên đương sự thống nhất không có nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Hai bên đương sự xác định không có nợ chung.

Về án phí dân sự: áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân và gia đình không có giá ngạch (về ly hôn).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Kim H khởi kiện “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” với Anh Lâm Văn Ng, cư trú tại Xóm 2, thôn Ph, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, căn cứ vào các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn nhưng bị đơn có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim H và Anh Lâm Văn Ng kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 19/01/2011. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Ng và chị H là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, giữa anh, chị đã một lần xảy ra mâu thuẫn và chị H đã gửi đơn đến Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn năm 2018. Tại bản án sơ thẩm số: 08/2018/HNGĐ-ST, ngày 27/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn và bản án phúc thẩm số: 09/2018/HNGĐ-PT, ngày 10/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã bác đơn khởi kiện xin ly hôn của chị H. Tuy nhiên sau khi Tòa án bác đơn của chị H cho đến nay hơn một năm nhưng anh chị vẫn không thể đoàn tụ, hàn gắn lại với nhau để sống chung, điều

này cả chị H, anh Ng đều thừa nhận, bản thân anh Ng cũng không còn cách nào để hàn gắn lại cuộc hôn nhân, anh chỉ trình bày nếu chị H muốn về sống chung với anh thì tự về, trong khi đó chị H cương quyết yêu cầu ly hôn anh. Xét thấy quan hệ hôn nhân của anh, chị vi phạm nghiêm trọng về trách nhiệm vợ chồng phải sống chung với nhau trong thời kỳ hôn nhân theo Luật hôn nhân và gia đình, mục đích hôn nhân của anh, chị không đạt được. Việc chị H xin ly hôn anh Ng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H xin ly hôn anh Ng.

[3] *Về con chung*: Giữa anh Ng và chị H có một con chung là Lâm Nguyễn Hoài Ng, sinh ngày 13/7/2013. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Ng từ nhỏ cho đến nay ở với chị H, hiện nay chị H đang làm nghề uốn tóc tại thị trấn C, cuộc sống của cháu đang ổn định và anh Ng cũng đồng ý giao con cho chị H nuôi nên giao cháu Ng cho chị H tiếp tục nuôi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Không có.

[5] *Về nợ chung*: Không có.

[6] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH buộc chị H phải chịu án phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát ở trên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nghĩ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 235 và khoản 1 Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, quản lý và sử dụng án phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận Chị Nguyễn Thị Kim H được ly hôn Anh Lâm Văn Ng.

Về con chung: Giao cháu Lâm Nguyễn Hoài Ng, sinh ngày 13/7/2013 cho Chị Nguyễn Thị Kim H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Anh Lâm Văn Ng có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết anh Ng, chị H có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Khi cần

thiết anh Ng, chị H hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân và gia đình không có giá ngạch (về ly hôn): 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), Chị Nguyễn Thị Kim H phải nộp nhưng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000654 ngày 02 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn nên được khấu trừ xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn Anh Lâm Văn Ng vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Trung;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Viết Tiến

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Trung;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Viết Tiến

